

Bản án số: 39/2019/HSST

Ngày: 15 – 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH TỈNH HÀ TĨNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn An

Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu tại xã Kỳ Tiến, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

2. Ông Lê Văn Nhưng

Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu tại xã Kỳ Tiến, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh, Thư Ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Xuân Diệu, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2018/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Văn T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam.

Sinh ngày 08 tháng 02 năm 2003, tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Học sinh; chức vụ: Không; trình độ văn hóa: 11/12; con ông: Dương Văn B - sinh năm: 1980; con bà: Lê Thị O - sinh năm: 1984; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Bà Lê Thị O - sinh ngày: 15 tháng 5 năm 1984; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (mẹ của bị cáo)

(Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Khánh LS – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

Bị hại:

- Ông Nguyễn Đình C - sinh ngày: 11 tháng 01 năm 1982; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- Bà Phạm Thị Thùy L - sinh ngày: 08 tháng 7 năm 1988; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Dương Văn B - sinh ngày: 11 tháng 11 năm 1980; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- Bà Bùi Thị P - sinh ngày: 10 tháng 10 năm 1985; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- Bà Lê Thị Th - sinh ngày: 16 tháng 5 năm 1984; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; (vắng mặt)

- Ông Phạm Văn J - sinh ngày 20 tháng 6 năm 1996; nơi cư trú: Thôn M, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị H - sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1960; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt mặt)

Người làm chứng:

- Ông Dương Văn B1 - sinh ngày: 12 tháng 01 năm 1990; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn H1 - sinh ngày: 25 tháng 7 năm 1992; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- Ông Trương Trung D - sinh tháng 10 năm 1962; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

- Ông Lê Thái S - sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

- Ông Lê Đại N - sinh ngày: 14 tháng 9 năm 1989; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h ngày 10/5/2019, Dương Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Surius BKS 38K1- 135.25 của bà Lê Thị O (sinh năm 1984, trú tại Thôn B, xã T, huyện K, là mẹ của T), khi đi T cầm theo con dao trước đó T nhặt được ở vườn nhà bà Bùi Thị P (sinh năm 1985- trú cùng thôn với T) kẹp vào phía giá để xe phía trước nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Đến khoảng 19h10 phút, T điều khiển xe mô tô đến nghĩa địa Thôn B, xã T, huyện K và để xe mô tô tại đây, lúc này T cầm theo con dao (*trước đó để ở xe máy*) bỏ vào túi bên trái áo khoác để làm công cụ thực hiện trộm cắp tài sản khi cần thiết. T đi bộ một mình đột nhập vào phía sau nhà ông Nguyễn Đình C (sinh năm 1982) và bà Phạm Thị Thùy L (sinh năm 1988) trú cùng thôn. T đi vào nhà dưới của ông C nhìn qua cửa kính thấy gia đình ông C đang ăn cơm ở phòng khách. T nấp sau cửa kính một lúc thì thấy ông C điều khiển xe mô tô chở bà L đi ra khỏi nhà, trong nhà chỉ còn cháu Nguyễn Phạm HT (Sinh năm 2008) và cháu Nguyễn Phạm LH (sinh năm 2009) đang xem tivi, một lúc sau thấy cháu HT xuống mở cửa nơi T nấp để vớt vỏ bánh kẹo, sau đó cháu HT đi lên khép cửa nhưng không khóa nên T mở cửa đi theo hành lang đi vào phòng ngủ của vợ chồng ông C, bà L ở bên trái, T đi lại thấy phòng không đóng cửa, không bật đèn, T đi vào rồi khép cửa lại và quan sát. T thấy trong phòng có một chiếc giường, một cái bàn gỗ, một tủ gỗ đựng đồ, một chiếc két sắt đặt phía cuối giường, T tiến lại tìm tài sản trong ngăn kéo của bàn gỗ, túi xách treo ở trên tường nhưng không có tài sản gì mà chỉ thấy một chùm chìa khóa để trong túi, T nghĩ đây là chìa khóa két sắt nên cầm chìa khóa đi lại phía két sắt đặt ở cuối giường rồi mở khóa két sắt thì cửa két sắt mở ra, T quan sát thấy trong két sắt có một số giấy tờ bỏ ở phía dưới két sắt, phía trên két sắt có một ngăn nhỏ, T mở ra thấy một xấp tiền gồm toàn tờ mệnh giá 100.000đ bên trong, T lấy 2.800.000đ bỏ vào túi quần phía trước, bên phải. Lúc này vợ chồng ông C đi chơi về, bà L đi vào nhà mở cửa phòng ngủ và bật bóng đèn trong phòng sáng lên thì nhìn thấy T, bà L kêu lên “*Anh C ơi*” rồi dùng tay cầm tay cầm cửa đóng cửa phòng ngủ lại. Thấy vậy T hoảng sợ chạy lại dùng hai tay nắm cửa giật vào để mở nhưng không được, bà L hô to “*Anh C ơi, thằng T B nó trộm nhà ta*” vừa lúc đó ông C chạy vào cùng giữ cửa với bà L rồi nói bà L sang gọi hàng xóm giúp đỡ. Bà L gọi ông Dương Văn B1 (sinh năm 1990) và ông Nguyễn Văn H1 (sinh năm 1989) là hàng xóm của gia đình bà L sang, lúc này T giật cửa và mở được cửa chạy ra phía ngoài hành lang rồi chạy xuống phía dưới nhà bếp thì ông C hô “*Mi đứng lại*” và cùng ông B1, ông H1 đuổi theo. Sợ ông C và mọi người đuổi kịp, T quay lại, tay trái lấy con dao để trong túi áo bên trái áo khoác nắng, cầm dao lên chỉ tay thẳng về phía người ông C đe dọa để ông C

và mọi người không đuổi theo nữa, thấy ông C đứng lại không đuổi theo nữa thì T tiếp tục bỏ chạy, T chạy ra phía sau vườn nhà rồi chạy đến vị trí để xe mô tô và điều khiển đi về nhà bà ngoại của mình là Nguyễn Thị H (sinh năm 1960, trú tại xã L, huyện K), trên đường đi về qua cầu Bến Sắt thuộc Thôn B, xã T vớt con dao xuống giữa cầu, tiếp đó T lấy 200.000đ trong số tiền trộm cắp được ghé qua cây xăng Huyền Lâm ở xã L đổ xăng hết 50.000đ, mua một thẻ điện thoại mạng Viettel mệnh giá 100.000đ tại quán anh Phạm Văn J (sinh năm 1996 ở L) và mua một đôi dép hết 35.000đ còn lại 15.000đ T bỏ trong túi quần trên đường về bị mất đầu T không biết. Khi về đến nhà bà H, T chia số tiền còn lại thành hai phần, một phần 700.000đ T cất giấu dưới chân máy tính để bàn học, số còn lại 1.900.000đ T cất giấu trên kèo nhà bằng gỗ ở phía trên góc học tập của mình. Đến tối cùng ngày, nhận thức được hành vi phạm pháp luật nên T cùng mẹ là bà O và bố là ông Dương Xuân B (sinh năm 1980) đến nhà ông C, bà L xin lỗi, sau đó lên Ban Công an xã Kỳ Thượng, khai báo hành vi phạm tội của mình và giao nộp 2.600.000đ số tiền còn lại đã trộm cắp được, đồng thời ông B tự nguyện bỏ ra 200.000đ để bồi thường vào số tiền T đã chi tiêu trước đó cho Ban công an xã T và Ban Công an xã T đã trả lại số tiền trên cho vợ chồng ông C, bà L.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT- VKSKA ngày 02 tháng 10 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự, xử phạt Dương Văn T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, tính từ ngày UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh nhận được Quyết định thi hành án và Bản án.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu huỷ 01 Chiếc khẩu trang vải màu đen; 01 chiếc áo khoác bằng vải màu cam ngói, có mũ trùm đầu, khóa bằng séc màu vàng; 02 chiếc dép màu đen trắng, phía dưới đế dép có in cỡ 39 và có chữ VK.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, buộc bị cáo Dương Văn T phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Khánh LS - Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn T tranh luận: Trong quá trình điều tra cũng như phiên tòa hôm nay, T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường trách nhiệm dân sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đầu thú, hơn nửa thời điểm phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi. Do đó, người bào chữa đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 100 khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất có thể của khung hình phạt để bị cáo có cơ hội thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát

Lời nói sau cùng của bị cáo là đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Anh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người bào chữa, người đại diện hợp pháp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người là chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 19h10' ngày 10/5/2019, Dương Văn T đột nhập vào nhà vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị Thùy L ở Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh mở két sắt lấy đi số tiền 2.800.000đ. Đến tối cùng ngày, nhận thức được hành vi phạm pháp luật nên T đã đến Ban Công an xã T khai báo hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của Dương Văn T cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3]. Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, coi thường kỷ cương pháp luật Nhà nước, bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn làm mất trật tự, trị an trên địa bàn khu dân cư. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự.

Về giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú, các bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vào thời điểm phạm tội, Dương Văn T 16 tuổi 03 tháng 02 ngày, do đó T được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại chương xét xử đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, hơn nữa thời điểm phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi. Do đó cần áp dụng Điều 36, Điều 91 Bộ luật Hình sự xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ giáo dục, răn đe đối với bị cáo. Theo quy định của pháp luật thì người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung công quỹ Nhà nước, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người dưới 18 tuổi, đang là học sinh nên chưa có thu nhập gì, do vậy không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4].

- Trong vụ án bà Lê Thị O là chủ chiếc xe mô tô BKS 38K1- 135.25 mà T dùng để đi trộm cắp tài sản, tuy nhiên quá trình T lấy xe đi bà Oanh không biết và cũng không đồng ý cho T mượn xe nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với bà Nguyễn Thị H, khi T trộm cắp tài sản về cất giấu tại nhà bà H, bà H không biết T trộm cắp tài sản cũng như việc T cất giấu tiền nên không có căn cứ để xử lý bà H.

- T khai có xuống quán của Lê Thị Th, Nguyễn Thị M, Phạm Văn J để đồ xăng, mua thẻ điện thoại và mua dép nhưng quá trình điều tra xét thấy không có căn cứ xác minh, làm rõ để xử lý.

- Đối với bà Bùi Thị P: T khai nhặt con dao tại vườn nhà bà Phú và mang theo khi đi trộm cắp tài sản, tuy nhiên, theo trình bày của bà Phú, gia đình bà không mất con dao nào, không biết sự việc T nhặt dao tại vườn nhà mình nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với hành vi T giật cửa, chạy ra ngoài dùng dao chỉ về phía những người truy bắt mình, tuy nhiên Dương Văn T không tác động trực tiếp đến những người này, mặt khác T không có lời nói hay hành vi gì khác nên không thuộc trường hợp “Hành hung để tẩu thoát” theo quy định tại Điểm đ, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[5]. Vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã thu giữ trả lại cho chủ sở hữu 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Surius, màu đen trắng, có biển kiểm soát 38K1- 135.25.

Hiện nay còn lại các vật chứng sau: 01 Chiếc khẩu trang vải màu đen, đã qua sử dụng; 01 chiếc áo khoác bằng vải màu cam ngói, có mũ trùm đầu, khóa bằng séc màu vàng, đã qua sử dụng; 02 chiếc dép màu đen trắng, phía dưới đế dép có in cỡ 39 và có chữ VK. Dép đã qua sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy các vật chứng trên là tài sản của bị cáo, nhưng hiện nay không còn giá trị sử dụng và bị cáo từ chối nhận lại tài sản trên, vì vậy cần tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ Luật tố tụng Hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại đầy đủ tài sản, các bị hại không yêu cầu đền bù dân sự gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo: Dương Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Xử phạt Dương Văn T 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, tính từ ngày UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh nhận được Quyết định thi hành án và Bản án.

Giao bị cáo Dương Văn T về cho UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và gia đình trực tiếp quản lý và giáo dục.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu huỷ 01 Chiếc khẩu trang vải màu đen; 01 chiếc áo khoác bằng vải màu cam ngói, có mũ trùm đầu, khóa bằng séc màu vàng; 02 chiếc dép màu đen trắng, phía dưới đế dép có in cỡ 39 và có chữ VK.

Về án phí: Xử buộc Dương Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng GDKT;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng PC10;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam;
- CA huyện Kỳ Anh;
- VKSND huyện Kỳ Anh;
- THA dân sự;
- THA hình sự;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Xuân Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng GDKT;
- Phòng PC81;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam;

Đặng Xuân Hoàng

- CA huyện Kỳ Anh;
- VKSND huyện Kỳ Anh;
- THA dân sự;
- THA hình sự;

- Những người TGT;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ ANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**

Kỳ Anh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Hoàng

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhung
2. Ông Nguyễn Văn An

Căn cứ vào Điều 299, 326 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 15/11/2019, tại phòng nghị án. Hội đồng xét xử tiến hành nghị án vụ án: “ Trộm cắp tài sản” . Đối với bị cáo Dương Văn T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết vụ án như sau:

1. Điều luật áp dụng:

Biểu quyết 3/3

- 2.Về tội danh: Xét xử Dương Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản”

Biểu quyết 3/3

- 3 .Về hình phạt:

Biểu quyết 3/3

- 4.Về án phí: Xử buộc Dương Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí HSST

Biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 15 tháng 11 năm 2019.

Biên bản lập xong đã được đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây:

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ